

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN KRÔNG PẮC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 67/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16/9/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan.
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vịnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 208/2024/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2024 về việc “Kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXX-ST ngày 12/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2024/QĐHPT – ST ngày 29/8/2024, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Trần Thị G, sinh năm 1975

HKTT: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: 00 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

+ Bị đơn: Ông Trần Văn Qu, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị G trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Trần Văn Qu sau một thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau tự nguyện thì quyết định tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk số 44, ngày 22/8/2000. Sau khi về chung sống với nhau vợ chồng tôi sống hạnh phúc được 10

năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách của vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung không, không cùng quan điểm trong việc nuôi dạy con cái. Ông Qu không có trách nhiệm với gia đình, không hỗ trợ trong việc nuôi dạy con cái cũng không chu cấp tiền bạc để tôi nuôi. Mặt khác, ông Qu đã có hạnh phúc mới nên không còn muốn chung sống với vợ con nữa. Tôi và ông Qu đã ly thân nhau một thời gian dài nên không còn tình cảm với nhau nữa. Hiện tại tôi nhận thấy vợ chồng không còn cơ hội quay về đoàn tụ với nhau, nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Trần Văn Qu.

+ Về con chung: Vợ chồng tôi có 03 con là: Trần Minh Th, sinh năm 2001; Trần Minh Th1, sinh năm 2003; Trần Minh Th2, sinh ngày 24/4/2008. Nguyên vọng của tôi về con chung sau khi ly hôn là tôi xin nuôi cháu Th2 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Đối với cháu Th và cháu Th1 hiện tại các cháu đã trên 18 tuổi nên các cháu có quyền lựa chọn cuộc sống riêng của mình, nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn Qu, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông Qu không đến Tòa án để lập bản tự khai, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, nên không có lời khai của ông Trần Văn Qu.

Tại bản tự khai ngày 06/6/2024 cháu Trần Minh Th2, sinh ngày 24/4/2008 có nguyện vọng xin sống với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

+ Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xã E, huyện K thể hiện: Bà G và ông Trần Văn Qu là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn T, xã E, huyện K. Quá trình sinh sống tại địa phương do ông Qu làm nghề lái xe đường dài nên thỉnh thoảng mới về nhà một vài ngày rồi lại đi, còn bà G làm việc ở B, ngày cuối tuần thì bà G mới về nhà. Do vậy, địa phương không xác định được ông Qu và bà G có xảy ra mâu thuẫn gì không.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà G vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn ông Qu, xin nuôi con chung là cháu Trần Minh Th2, không yêu cầu ông Qu cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn ông Trần Văn Qu vắng mặt không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; Thành phần HĐXX tại phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị G đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Văn Qu đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng không đến Tòa án để lập bản tự khai, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ

luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn Qu vắng mặt không có lý do. Áp dụng khoản 2 Điều 227 đề nghị xét xử vắng mặt ông Qu.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;

Đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị G.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị G ly hôn ông Trần Văn Qu.

- Về con chung: Giao cháu Trần Minh Th2, sinh ngày 24/4/2008 cho bà Trần Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Thiện đủ 18 tuổi. Đối với cháu Th và cháu Th1 hiện tại đã trên 18 tuổi nên các cháu tự lựa chọn cuộc sống riêng của mình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Trần Thị G không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị G không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2024 của bà Trần Thị G, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền: Tại thời điểm bà Trần Thị G khởi kiện, bị đơn ông Trần Văn Qu cư trú tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên Tòa lần thứ nhất ông Trần Văn Qu vắng mặt không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa và tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Qu. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông Trần Văn Qu vắng mặt không có lý do. Áp dụng khoản 2 Điều 227 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Qu.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị G và ông Trần Văn Qu chung sống với nhau từ năm từ năm 2000 trên cơ sở tự nguyện có Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 22/8/2000. Như vậy, hôn nhân của bà G, ông Qu là hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, sau khi kết hôn bà G, ông Qu sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng tình cảm dần phai nhạt. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến

hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông Qu dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên hòa giải không thành, bà G vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Qu. Mặt khác kết quả xác minh tại địa phương xã Ea Yông thể hiện ông Qu thường vắng mặt tại địa phương. Như vậy căn cứ vào lời khai của bà G cũng như kết quả xác minh tại chính quyền địa phương. Tòa án có căn cứ để khẳng định hôn nhân giữa bà G và ông Qu không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cho bà Trần Thị G ly hôn ông Trần Văn Qu là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống bà G, ông Qu có 03 con chung là Trần Minh Th, sinh năm 2001; Trần Minh Th1, sinh năm 2003; Trần Minh Th2, sinh ngày 24/4/2008. Quá trình giải quyết vụ án bà G có nguyện vọng xin nuôi dưỡng cháu cháu Trần Minh Th2. Bản thân cháu Th2 cũng có nguyện vọng muốn được sống với mẹ là bà Trần Thị G. HĐXX xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng sau khi bố mẹ ly hôn cần xem xét quyền lợi mọi mặt của các cháu. Hiện tại cháu Th2 có nguyện vọng sống với mẹ. Bản thân bà G cũng có nguyện vọng xin được nuôi cháu Th2. Mặt khác hiện tại bà G làm nghề buôn bán thu nhập ổn định. Để tránh thay đổi môi trường sống, tránh làm xáo trộn đến cuộc sống của các cháu khi bố mẹ ly hôn nên HĐXX áp dụng các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, giao cháu Trần Minh Th2, sinh ngày 24/4/2008 cho bà Trần Thị G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật.

“Ông Trần Văn Qu được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản ông Qu thực hiện quyền này”.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Trần Thị G không yêu cầu ông Qu cấp dưỡng tiền nuôi con chung, việc bà G không yêu cầu ông Qu cấp dưỡng tiền nuôi con là tự nguyện, nên HĐXX chấp nhận là phù hợp.

Đối với cháu Trần Minh Th, sinh năm 2001 và cháu Trần Minh Th2, sinh năm 2003 hiện tại đã thành niên, các cháu có quyền lựa chọn cuộc sống riêng của mình. Nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Trần Thị G không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Trần Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa tương đối phù hợp nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 203, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị G.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị G ly hôn với ông Trần Văn Qu.

- Về con chung: Giao cháu Trần Minh Th2, sinh ngày 24/4/2008 cho bà Trần Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

“Ông Trần Văn Qu được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, ông Qu không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung”.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Bà Trần Thị G không yêu cầu ông Qu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

Đối với cháu Trần Minh Th, sinh năm 2001; Trần Minh Th2, sinh năm 2003 hiện tại đã thành niên. Nên Tòa án không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị G không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Bà Trần Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2023/0005795 ngày 28/5/2024.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- CCTHADS huyện K;
- UBND P. Th, TP B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

